

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-PT

Ngày 23-02-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Ứng và ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2021/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Diu Coóng Ch; địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Diu Minh Th; địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk

Nông (theo văn bản ủy quyền ngày 16-8-2021) – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B; địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Đình Ng và chị Phạm Thị M; cùng địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ng và chị M: Ông Phạm Ngọc Tr; địa chỉ: Tổ 03, phường T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (theo văn bản ủy quyền ngày 09-10-2019) – Có mặt.

2. Bà Lý Thị Kh; địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3. Chị Diu Thị H; địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Dìu Minh Th; địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Dìu Coóng Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31-7-2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dìu Coóng Ch và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại tổ 10, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông trước đây do ông tự khai phá. Khoảng năm 1988, ông được Nhà nước cấp giấy xác nhận quyền sử dụng đất diện tích 980m², bao gồm phần đất tranh chấp. Năm 1999, gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSDĐ*). Sau khi làm thủ tục tách thửa cho con gái là chị Dìu Thị H diện tích 400m² thì ông được cấp GCNQSDĐ mới với diện tích 1.023m², tuy nhiên trên GCNQSDĐ không thể hiện phần đất tranh chấp, tức gia đình ông bị thiếu 250m² đất so với trước khi tách thửa.

Phần đất tranh chấp thời điểm đó giáp ranh với đất ông Bạch Quốc L và nằm trong GCNQSDĐ số AP 697196 do Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) thị xã G (*cũ*) cấp ngày 09-12-2009 cho hộ gia đình ông. Ông L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T, bà H lúc nào ông không biết, khi chuyển nhượng không gọi gia đình ông ra chỉ ranh giới, đến khi ông T, bà H làm nhà trên đất thì ông mới biết.

Quá trình Nhà nước làm quốc lộ 14 (*nay là đường HBT*) đã thu hồi toàn bộ phần đất của ông T, bà H. Tuy nhiên, sau đó ông T, bà H lại chuyển nhượng cho ông Lương Văn C và ông Nguyễn Thành Đ 200m² đất nằm trong phần đất của gia đình ông. Khoảng năm 2016, khi ông làm công thì ông C cho rằng ông lấn chiếm qua đất của ông C lúc này ông mới biết việc ông T, bà H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông cho ông C và ông Đ. Sau đó ông Đ chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đình Q, ông Q chuyển nhượng lại cho Nguyễn Văn B. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu ông B phải khôi phục hiện trạng ban đầu và trả lại 200m² đã lấn chiếm cho gia đình ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Dìu Minh Th tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông B phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 9,1m².

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do ông L chuyển nhượng cho ông T, ông T chuyển nhượng cho ông Đ (*có lập giấy mua bán viết tay*); sau đó ông Đ chuyển nhượng cho ông Q và ông Q chuyển nhượng lại cho ông, việc chuyển nhượng giữa ông và ông Q được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ch, đề nghị Tòa án không chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Đình Ng và chị Phạm Thị M là ông Phạm Ngọc Tr:* Anh Ng, chị M nhận chuyển nhượng thửa đất số 842, tờ bản đồ số 08 từ ông B, việc chuyển nhượng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đã sang tên trên giấy GCNQSDĐ. Thửa đất số 842 có phần mặt

đường tiếp giáp với đường đất, không phải tiếp giáp đường HBT, toàn bộ 200m² đất tranh chấp hiện nằm trong lộ giới đã được Nhà nước thu hồi nên việc ông Ch khởi kiện là không có căn cứ, ngoài ra phần đất tranh chấp cũng không nằm trong GCNQSDĐ của anh Ng, chị M.

- Bà Lý Thị Kh, anh Dìu Minh Th, chị Dìu Thị H thống nhất với nội dung trình bày của ông Dìu Coóng Ch và không bổ sung gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng trình bày:

- Ông Lương Văn Y: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc vào năm 2012, ông và ông Đ nhận chuyển nhượng chung của ông T, bà H diện tích khoảng hơn 200m², có tứ cận: Phía Đông giáp đường HBT; phía Tây giáp đất ông Đ và ông D; phía Nam giáp đất ông Ch, bà Kh; phía Bắc giáp đất ông H, bà S. Hiện tại ông đã làm nhà ở ổn định nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ch.

- Ông Võ Văn T: Năm 1990, vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông L thửa đất tọa lạc tại tổ 03, thị trấn G, huyện Đ (nay là tổ 10, phường N), bao gồm đất tranh chấp. Đất có mặt tiền phía trước là đường đất, bên trái giáp nhà ông Ch. Cùng năm 1990, ông làm nhà, trồng cà phê, tiêu và các cây trồng khác trên đất nhưng không có ai tranh chấp. Thời điểm đó những hộ gia đình sống xung quanh chỉ có một con đường đất để đi. Năm 1996 Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để làm quốc lộ 14 thì vợ chồng ông là người được nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng; ông Ch, bà Kh không có ý kiến gì. Sau khi bị thu hồi, gia đình ông còn lại khoảng 200m² đất giáp quốc lộ 14 (tức toàn bộ phần đất tranh chấp), ông lập giấy tờ viết tay chuyển nhượng cho ông Tr và ông Đ 200m² đất này để làm đường đi ra quốc lộ 14. Ông khẳng định 200m² đất tranh chấp trước đây là của gia đình ông.

- Ông Nguyễn Thành Đ: Ông có thửa đất bên trái giáp đất ông Ch, phía trước giáp đường đất. Năm 2012 ông tách thành hai thửa, mỗi thửa rộng 07m, dài khoảng 28m; sau đó ông chuyển nhượng một thửa cho ông Y, một thửa cho ông Q, ông Q chuyển nhượng lại cho ông B. Khi chuyển nhượng có lập giấy viết tay, các bên đã hoàn tất thủ tục sang tên và sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. Cùng năm 2012, do cả hai thửa đất đều không có đường đi ra quốc lộ 14 (nay là đường HBT) nên ông và ông Y cùng nhau nhận chuyển nhượng của ông T, bà H 200m² còn lại sau khi nhà nước thu hồi làm quốc lộ 14. Khi chuyển nhượng các bên có yêu cầu ông Ch, bà Kh ký giáp ranh nhưng ông Ch, bà Kh không đồng ý. Ông khẳng định 200m² đất tranh chấp trước đây thuộc quyền sử dụng của ông T, bà H vì năm 1995 khi ông đến sinh sống đã thấy ông T làm nhà và canh tác ổn định trên đất, không có ai tranh chấp.

- Bà Trần Thị K: Nguồn gốc đất tranh chấp do ông Ch, bà Kh khai hoang vào khoảng năm 1984-1985, thời điểm khai hoang chỉ có gia đình ông Ch sống tại khu vực này, tuy nhiên bà không biết diện tích đất của ông Ch là bao nhiêu.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2021/DS-ST ngày 14-10-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, khoản 1 Điều 166, Điều 189 của Bộ luật Dân sự; khoản 16 Điều 3, Điều 202, Điều 203 của Luật Đất đai; Án lệ số: 39/2020/AL, tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ch đối với diện tích đất nằm trong lộ giới 18m bao gồm: 14m² có tọa độ điểm 3-4-14-13-16-3 và 33m² sử dụng chung với ông Tr có tọa độ điểm 4-5-6-15-14-4.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch về việc buộc ông B phải trả lại 9,1m² đất lấn chiếm và khôi phục nguyên trạng ban đầu. Phần đất tranh chấp có tọa độ điểm 12-13-16-12, diện tích đo đạc thực tế là 5m², tứ cận: Phía Đông giáp đường HBT, cạnh từ điểm 13-16, chiều dài 3,72m; phía Tây giáp đất anh Ng và chị M, cạnh từ điểm 12-16, chiều dài 7,54m; phía Nam giáp đất ông Tr, cạnh từ điểm 12-13, chiều dài 3,72m; phía Bắc giáp đất anh Ng và chị M. *(Kèm theo mảnh trích đo địa chính số số 13-2020 ngày 26-6-2020 và mảnh trích đo địa chính ngày 16-9-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố G).*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27-10-2021, nguyên đơn ông Dìu Coóng Ch kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dìu Coóng Ch, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Dìu Coóng Ch nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dìu Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông B và chị H.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Dìu Coóng Ch, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định diện tích đất hiện nay đang tranh chấp là do gia đình ông Ch khai hoang từ năm 1988. Năm 1999 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trừ lộ giới hành lang an toàn giao thông là 25m tính từ tim đường, nên diện tích đất tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận hộ ông Ch được cấp. Tuy nhiên, hiện nay Nhà nước có quy định mới đường HBT chỉ trừ lộ giới hành lang an toàn

giao thông là 18m, nên diện tích đất tranh chấp vẫn nằm trong diện tích đất gia đình ông Ch tự khai hoang từ năm 1988.

[2.2]. Tại Mạnh trích đo địa chính số 13-2020 ngày 26-6-2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố G (BL 193) thể hiện:

- Diện tích đất anh Ng, chị M đang sử dụng theo GCNQSDĐ số X do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 31-5-2018 thì thửa đất số 842, tờ bản đồ số 08 nhận chuyển nhượng của ông B có diện tích $247m^2$, trong đó, diện tích đất nằm ngoài lộ giới là $196m^2$; nằm trong lộ giới là $18m^2$ và diện tích đất sử dụng chung với ông Lương Văn Y nằm trong lộ giới $32m^2$. Như vậy, diện tích đất nằm ngoài lộ giới thực tế anh Ng, chị M sử dụng còn thiếu $51m^2$ so với GCNQSDĐ được cấp.

- Diện tích đất ông Ch đang sử dụng thửa đất số 77, tờ bản đồ số 08, diện tích $400m^2$; thửa đất số 76, tờ bản đồ số 08, diện tích $980m^2$, tổng diện tích đất ông Ch được cấp GCNQSDĐ là $1.380m^2$. Sau khi làm thủ tục hợp thửa và tách thửa, ngày 09-12-2009, ông Ch được UBND thị xã G (cũ) cấp GCNQSDĐ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 08, diện tích $1.023m^2$ và thửa đất số 77, tờ bản đồ số 08, diện tích $357m^2$; tổng diện tích đất ông Ch được cấp GCNQSDĐ vẫn không thay đổi $1.380m^2$. Tuy nhiên, diện tích đất ông Ch sử dụng là $2.016m^2$, trong đó có $316m^2$ nằm trong lộ giới và $1.700m^2$ nằm ngoài lộ giới. Như vậy, diện tích đất nằm ngoài lộ giới thực tế gia đình ông Ch đang sử dụng nhiều hơn $320m^2$ so với giấy chứng nhận được cấp.

[2.3]. Sau khi có kết quả đo đạc, Tòa án đã có văn bản yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lồng ghép các thửa đất đã được đo đạc lên bản đồ địa chính và GCNQSDĐ để có căn cứ giải quyết vụ án đảm bảo đúng pháp luật. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền đều có văn bản trả lời không thể lồng ghép được, do tờ bản đồ số 08 đã cũ và nhàu nát, có nhiều sự biến động giữa các thửa đất nên việc lồng ghép sẽ không chính xác. Mặt khác, thửa đất số 842, 843 cán bộ xử lý hồ sơ đã trích độc lập ra bên ngoài không đúng với vị trí trên bản đồ. Do đó, căn cứ Thông tư số: 25/2014/TT-BTNMT ngày 19-5-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, phần diện tích tranh chấp nếu nằm ngoài lộ giới thì cũng trong sai số cho phép về độ chính xác của bản đồ địa chính (BL 231, 232).

[2.4]. Năm 1997 khi Nhà nước nâng cấp Quốc lộ 14 đoạn Km 230-Km 257 thì gia đình ông Võ Văn T được đền bù số tiền 26.008.600 đồng, ông T đã nhận đủ tiền (BL 296-300). Thời điểm đó ông Ch biết rõ việc thu hồi bồi thường giải phóng mặt bằng Quốc lộ 14 nhưng không có ý kiến gì.

[2.5]. Tại thời điểm quy hoạch làm đường quốc lộ 14 (cũ) và thời điểm cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình thì lộ giới hành lang an toàn giao thông theo quy định là 25m. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện toàn bộ diện tích đất hiện nay ông Ch đang tranh chấp đều nằm trong lộ giới. Ông Ch cho rằng hiện tại quy hoạch lộ giới là 18m tính từ tim đường nên diện tích đất tranh chấp nằm ngoài lộ giới là $9,1m^2$.

[2.6]. Tại mảnh trích đo địa chính ngày 15-9-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố G thể hiện khi lộ giới thu hẹp còn 18m thì diện tích tranh chấp nằm ngoài lộ giới là $5m^2$, không phải $9,1m^2$ như ý kiến của ông Ch. Tuy nhiên, hiện nhà nước chưa có kế hoạch hay dự kiến về việc trao quyền

sử dụng cho người dân đối với phần diện tích đất dôi dư sau khi thay đổi chiều rộng lộ giới, tức là phần diện tích tranh chấp nằm ngoài lộ giới vẫn được tính là hành lang an toàn giao thông và thuộc quyền sở hữu của nhà nước.

[3]. Tại mục [2] phần nhận định của Án lệ số: 39/2020/AL có nêu: “*Theo quy định tại Điều 21 Luật Nhà ở năm 2005, điểm h khoản 1 Điều 10 Luật Nhà ở năm 2014 và Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật. Vì phần nhà đất có diện tích 42,74m² đang tranh chấp nằm trong lộ giới, Nhà nước không hóa giá, không công nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất cho cụ C thì cụ C và những người thừa kế của cụ C không có quyền kiện đòi phần diện tích nhà đất đó.*”

[4]. Như vậy, diện tích đất thực tế ông Ch đang sử dụng không bị thiếu so với GCNQSDĐ đã được cấp. Đồng thời, toàn bộ diện tích đất tranh chấp đều nằm trong lộ giới, Nhà nước không hóa giá, không công nhận quyền sử dụng cho người dân. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Dìu Coóng Ch, chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Ch phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 155 của Bộ luật Dân sự; Điều 202, Điều 203 của Luật Đất đai; Án lệ số: 39/2020/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 13-8-2020 và được công bố theo Quyết định số: 276/QĐ-CA ngày 02-10-2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Dìu Coóng Ch, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2021/DS-ST ngày 14-10-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dìu Coóng Ch đối với diện tích đất tranh chấp nằm trong lộ giới bao gồm: Diện tích đất anh Lê Đình Ng, chị Phạm Thị M đang sử dụng là 18m² và diện tích đất anh Lê Đình Ng, chị Phạm Thị M đang sử dụng chung với ông Lương Văn Y là 32m².

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dìu Coóng Ch đối với ông Nguyễn Văn B về việc buộc ông B phải khôi phục hiện trạng ban đầu và trả lại diện tích đất 9,1m² nằm ngoài lộ giới.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Dìu Coóng Ch phải chịu 9.980.000đ (*chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và khai thác tài liệu, được khấu trừ vào số tiền 9.980.000 đồng ông Dìu Coóng Ch đã nộp tạm ứng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dìu Coóng Ch phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số Z ngày 06-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông; trả lại cho ông Dìu Coóng Ch 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dìu Coóng Ch phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số W ngày 08-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thành phố G;
- Chi cục THADS thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa dân sự; Tổ hành chính tư pháp; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký tên, đóng dấu*)

Phạm Thị Thông